

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA – VŨNG TÀU**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

**NGÀNH: KẾ TOÁN  
MÃ NGÀNH: 6340301**

**BÀ RỊA – VŨNG TÀU, THÁNG 9 NĂM 2023**

Số: 179/QĐ-CDSP

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 18 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành chương trình đào tạo

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng trường Cao đẳng được quy định tại Điều 10, Điều lệ trường cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ vào Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực nghệ thuật, mỹ thuật và ngôn ngữ;

Căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của 90 ngành, nghề đào tạo;

Căn cứ vào các biên bản họp Hội đồng điều chỉnh chương trình đào tạo các ngành năm học 2023-2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này 6 chương trình đào tạo các ngành học sau đây:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Trình độ
1	Giáo dục Mầm non	51140201	Cao đẳng
2	Công nghệ thông tin	6480201	Cao đẳng
3	Kế toán	6340301	Cao đẳng
4	Quản trị văn phòng	6340403	Cao đẳng
5	Tiếng Anh	6220206	Cao đẳng
6	Tiếng Nhật	6220212	Cao đẳng

(văn bản kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm học 2023-2024 đồng thời thay thế Quyết định số 218/QĐ-CĐSP và Quyết định số 219/QĐ-CĐSP ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ban hành chương trình đào tạo của 6 ngành trên.

**Điều 3.** Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, viên chức và sinh viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo trường (chi đạo);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, ĐTHTQT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Phan Thế Hải**

Bà Rịa, ngày tháng năm 2023

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~10/2023~~ ngày 18 tháng 9 năm 2023  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu)

Tên ngành, nghề:	KẾ TOÁN
Mã ngành, nghề:	6340301
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo	Chính quy
Phương thức đào tạo:	Hệ thống tín chỉ
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	2,5 đến 3 năm

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ cao đẳng ngành kế toán để người học có năng lực thực hiện và giải quyết được các công việc của kế toán. Có khả năng thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo nội dung công việc, kiểm tra, giám sát các khoản thu chi, ... có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ thông tin vào công việc, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, đồng thời có đạo đức nghề nghiệp; có khả năng học tập nâng cao trình độ theo để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### MT1. Kiến thức

**MT1.1.** Vận dụng được hệ thống tri thức về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

**MT1.2.** Mô tả được những kiến thức cơ bản về thống kê, thu thập dữ liệu và phương pháp phân tích số liệu, báo cáo tài chính kế toán như nguyên lý thống kê, tài chính doanh nghiệp, phân tích hoạt động kinh doanh; kỹ thuật soạn thảo các văn bản thông thường dùng trong trong cơ quan, doanh nghiệp.

**MT1.3.** Vận dụng những kiến thức cơ sở ngành kế toán như kinh tế vi mô, nguyên lý kế toán, quản trị học, marketing ... làm nền tảng để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc ngành kế toán.

**MT1.4.** Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành kế toán doanh nghiệp, các chế độ chính sách kế toán, chế độ thuế và quản lý tài chính vào hạch toán kế toán.

**MT1.5.** Có trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 2 (A2) hoặc tương đương theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**MT1.6.** Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

### ***MT2. Kỹ năng***

**MT2.1.** Có năng lực nhận thức và phân tích, so sánh và xử lý một cách tương đối độc lập vấn đề tài chính, kế toán.

**MT2.2.** Thực hiện lập chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, lập và phân tích báo cáo tài chính, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; có khả năng thực hiện được công việc kiểm toán viên;

**MT2.3.** Xử lý thành thạo các tình huống kế toán thông thường phát sinh trong thực tế

**MT2.4.** Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, phần mềm kế toán để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**MT2.5.** Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật của ít nhất một môn thể thao đảm bảo rèn luyện sức khỏe cho người học.

**MT2.6.** Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

### ***MT3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách***

**MT3.1.** Có phẩm chất chính trị tốt, ý thức trách nhiệm công dân, có lý tưởng và đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, luôn tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp.

**MT3.2.** Tự tin, bản lĩnh, khẳng định năng lực; khiêm tốn trong các mối quan hệ; có lòng yêu nghề, tinh thần cầu tiến và tinh thần trách nhiệm trong công việc, làm việc theo nhiệm vụ được giao, luôn nhiệt tình trong công việc, nỗ lực với bản thân trong học tập nâng cao trình độ.

**MT3.3.** Có thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc và đối tác; có ý thức cộng đồng và tác phong chuyên nghiệp trong công việc; tôn trọng nhu cầu bảo mật trong cơ quan và các đối tác.

**MT3.4.** Có phương pháp làm việc khoa học, cẩn thận biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn ngành kế toán; biết hợp tác và sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp.

## 2. Chuẩn đầu ra (CĐR)

Mã CĐR	Nội dung CĐR	Mục tiêu
2.1.	<b>Kiến thức</b>	
	<i>2.1.1. Kiến thức chung</i>	
CĐR1	<p>- Trình bày được các quan điểm về triết học, kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam và các tư tưởng của Hồ Chí Minh, hệ thống pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Trình bày được các quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về Quốc phòng – An ninh.</p>	MT1.1
CĐR2	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.	MT1.6
	<i>2.1.2. Kiến thức cơ sở</i>	
CĐR3	Giải thích và vận dụng được kiến thức cơ bản về quản trị, marketing, nguyên lý kế toán, kinh tế vi mô và kỹ thuật soạn thảo các văn bản thông thường dùng trong cơ quan, doanh nghiệp	MT1.2
	<i>2.1.3. Kiến thức chuyên môn</i>	
CĐR4	Giải thích và vận dụng được những kiến thức cơ bản về thống kê, thu thập dữ liệu, phương pháp phân tích số liệu, báo cáo tài chính kế toán, phân tích hoạt động kinh doanh và pháp luật hiện hành trong hoạt động kế toán tại cơ quan, doanh nghiệp.	MT1.3
CĐR5	- Nắm vững kiến thức chuyên môn sâu về kế toán, có kiến thức cơ bản về tài chính, kiểm toán, thuế để có thể đảm trách các phần hành kế toán, kiểm toán, thuế; có khả năng tổng hợp và phân tích số liệu kế toán để tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và hoạch định chính	MT1.4

<b>Mã CĐR</b>	<b>Nội dung CĐR</b>	<b>Mục tiêu</b>
	sách tài chính tại các cơ quan, tổ chức kinh tế. - Thiết kế quy trình tổ chức công tác kế toán, quy trình hạch toán các nghiệp vụ kế toán, kiểm toán trong các cơ quan, tổ chức kinh tế.	
<b>2.2.</b>	<b>Kỹ năng</b>	
	<i>2.2.1. Kỹ năng cứng: Kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề</i>	
CĐR6	Có khả năng làm được ngay công việc kế toán như: lập chứng từ, nhận diện và phân loại chứng từ, ghi sổ kế toán, lưu trữ chứng từ, chuyển sổ và khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính; lập các loại báo cáo thuế hàng tháng, hàng quý, hàng năm theo quy định.	MT2.1
CĐR7	Có khả năng lập các báo cáo tài chính như: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính; có khả năng phân tích tình hình tài chính và tình hình hoạt động của cơ quan, tổ chức kinh tế; vận dụng các quy định của pháp luật thuế, tài chính, kiểm toán trong các hoạt động của cơ quan, tổ chức kinh tế.	MT2.2
CĐR8	Tra cứu, khai thác và sử dụng các thông tin liên quan đến kế toán, kiểm toán, tài chính và thuế một cách hiệu quả.	MT2.3
	<i>2.2.2. Kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học</i>	
CĐR9	Có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng soạn thảo văn bản.	MT2.6
CĐR10	Có khả năng hoạt động hiệu quả trong một nhóm mà các	MT2.6

Mã CDR	Nội dung CDR	Mục tiêu
	thành viên cùng nhau lãnh đạo, tạo ra một môi trường hợp tác và hòa nhập, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch nhiệm vụ và đáp ứng các mục tiêu	
CDR11	Sử dụng thành thạo các phần mềm liên quan đến công tác kế toán, tài chính.	MT2.4
CDR12	Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật của ít nhất một môn thể thao đảm bảo rèn luyện sức khỏe cho người học.	MT2.5
CDR13	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề. Vận dụng được kiến thức công nghệ thông tin để phục vụ công tác kế toán tại cơ quan, doanh nghiệp.	MT1.5; MT2.4
<b>3.3.</b>	<b>Thái độ, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm</b>	
CDR14	Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nội quy của doanh nghiệp, đơn vị; có ý thức tổ chức kỷ luật.	MT3.1
CDR15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; tổ chức, đánh giá, phân tích hoạt động nhóm;</li> <li>- Có tính thần tự học, tự rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu công việc</li> <li>- Có đạo đức nghề nghiệp kế toán, bảo mật thông tin tài chính của tổ chức; có trách nhiệm trong công việc, sử dụng, bảo quản tài sản của tổ chức.</li> </ul>	MT3.2; MT3.3
CDR16	Có đạo đức trong sáng; lối sống lành mạnh, trung thực, văn minh; có tác phong mẫu mực, đoàn kết, làm việc khoa học; có ý thức phấn đấu vươn lên.	MT3.4
<b>2.4</b>	<b>Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp</b>	
	Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:	



<b>Mã CDR</b>	<b>Nội dung CDR</b>	<b>Mục tiêu</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng tổ chức điều hành công tác kế toán, kiểm toán nội bộ và tài chính, lao động tiền lương, kế toán tổng hợp ở các loại hình doanh nghiệp;</li> <li>- Làm việc trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, các thành phần kinh tế hoặc các công ty chuyên về kiểm toán, công ty dịch vụ kế toán.</li> </ul>	
<b>2.5</b>	<b>Khả năng tự học và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp</b>	
	Có khả năng tiếp tục học tập, nâng cao trình độ cao hơn thuộc lĩnh vực kế toán, tài chính hoặc các lĩnh vực có liên quan.	

### 3. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

<b>STT</b>	<b>Các khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Đóng góp chuẩn đầu ra (bổ sung thêm)</b>
1	Khối kiến thức chung/đại cương	21	1; 2; 12; 13; 14; 15; 16.
2	Khối kiến thức cơ sở	18	1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 9; 10; 14; 15; 16.
3	Khối kiến thức chuyên môn	50	5; 6; 7; 8; 9; 11; 14; 15.
4	Tự chọn (người học chọn 3 trong 8 HP)	7	2; 3; 4; 5; 9; 10; 13; 15; 16.
5	Thực tập tốt nghiệp	10	6; 7; 11; 13; 15; 16.
6	Khóa luận tốt nghiệp	5	6; 7; 11; 13; 15; 16.
	<b>Khối lượng kiến thức toàn khóa học (bao gồm cả Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh)</b>	<b>96</b>	

#### 4. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>21</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
CT32032	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
CT31033	Pháp luật	2	30	18	10	2
NV31002	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
DT31008	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
AV31009	Tiếng Anh	6	120	42	72	6
TI31002	Tin học	3	75	15	58	2
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>75</b>	<b>1700</b>	<b>550</b>	<b>1090</b>	<b>60</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>18</b>	<b>365</b>	<b>175</b>	<b>172</b>	<b>18</b>
KT32007	Marketing căn bản	2	40	20	18	2
KT32008	Nguyên lý kế toán	3	60	30	27	3
KT32011	Quản trị học	2	40	20	18	2
KT32002	Kinh tế vi mô	3	60	30	27	3
KT32124	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	45	15	28	2
KT32121	Nguyên lý thống kê	2	40	20	18	2
CT31013	Pháp luật kinh tế	2	40	20	18	2
KT32005	Kinh tế vĩ mô	2	40	20	18	2
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>50</b>	<b>1145</b>	<b>355</b>	<b>750</b>	<b>40</b>
KT32098	Chứng từ sổ sách kế toán và khai báo thuế	3	70	20	47	3
KT32020	Kế toán doanh nghiệp 1	3	70	20	47	3
KT32052	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	40	20	18	2
KT32127	Kế toán doanh nghiệp 2	4	80	40	36	4
KT32123	Kế toán excel	3	70	20	47	3

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
KT32096	Kế toán quản trị	3	60	30	27	3
KT32069	Kiểm toán	3	60	30	27	3
KT32031	Tài chính doanh nghiệp	3	60	30	27	3
KT32036	Thuế	3	60	30	27	3
KT32045	Kế toán HCSN	3	60	30	27	3
DT32022	Thực tập tốt nghiệp	10	300	0	300	0
KT32139	Kế toán máy	3	70	20	47	3
KT32140	Kế toán chi phí	2	40	20	18	2
KT32129	Thanh toán quốc tế	2	45	15	28	2
KT32130	Thống kê kinh doanh	3	60	30	27	3
<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn</b>	<b>7</b>	<b>190</b>	<b>20</b>	<b>168</b>	<b>2</b>
<b>II.3.1</b>	<b>Tự chọn nhóm 1 (chọn 1 trong 2 môn sau)</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>20</b>	<b>18</b>	<b>2</b>
VH31001	Tiếng Việt thực hành	2	40	20	18	2
KT32095	Phương pháp NCKH và trình bày báo cáo khoa học	2	40	20	18	2
<b>II.3.2</b>	<b>Tự chọn nhóm 2 (chọn Khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 môn thay thế)</b>	<b>5</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	<b>150</b>	<b>0</b>
KT32032	Kế toán quốc tế	2	40	20	18	2
KT32079	Thị trường chứng khoán	2	40	20	18	2
TL32029	Khoa học giao tiếp	2	40	20	18	2
KT32133	Văn hóa công sở	3	60	30	27	3

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
KT32028	Quản trị doanh nghiệp	3	60	30	27	3
KT32068	Khóa luận tốt nghiệp	5	150	0	150	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>96</b>	<b>2135</b>	<b>707</b>	<b>1345</b>	<b>83</b>

Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo: Đính kèm trong Phụ lục 01

### 5. Ma trận chuẩn đầu ra môn học

TT	Tên học phần	CDR															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
<b>I</b>	<b>Môn học chung</b>																
1	Giáo dục chính trị	x													x	x	x
2	Pháp luật	x													x		x
3	Giáo dục thể chất												x				
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	x													x		
5	Tin học		x											x			
6	Ngoại ngữ													x			
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên ngành</b>																
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>																
7	Marketing căn bản			x						x						x	
8	Nguyên lý kế toán			x		x	x	x								x	x
9	Quản trị học			x							x						
10	Kinh tế vi mô		x							x						x	
11	Kỹ thuật soạn thảo văn bản		x							x						x	
12	Nguyên lý thống kê				x					x						x	
13	Pháp luật kinh tế	x													x		x
14	Kinh tế vĩ mô				x	x				x							
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>																
15	Chứng từ sổ sách kế toán và khai báo thuế						x			x						x	

TT	Tên học phần	CĐR															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
16	Kế toán doanh nghiệp 1					x	x	x		x						x	
17	Phân tích hoạt động kinh doanh				x	x				x							
18	Kế toán doanh nghiệp 2					x	x	x	x								
19	Kế toán excel					x	x	x				x		x			
20	Kế toán quản trị					x	x		x	x							x
21	Kiểm toán					x		x									x
22	Tài chính doanh nghiệp					x		x	x								x
23	Thuế					x			x								
24	Kế toán HCSN					x		x	x								
25	Thực tập tốt nghiệp						x	x				x		x		x	x
26	Kế toán máy					x						x					x
27	Kế toán chi phí					x	x	x									
28	Thanh toán quốc tế				x	x											
29	Thống kê kinh doanh				x												x
	<b>Môn học tự chọn</b>																
	<i>Chọn 1 trong 2 môn</i>																
30	Tiếng Việt thực hành			x													
31	Phương pháp NCKH và trình bày báo cáo khoa học									x				x			x
	<i>Chọn khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 môn thay thế</i>																
32	Kế toán quốc tế				x	x											
33	Thị trường chứng khoán					x											
34	Khoa học giao tiếp									x	x					x	x
35	Văn hóa công sở										x				x	x	x
36	Quản trị doanh nghiệp		x								x						
37	Khóa luận tốt nghiệp						x	x				x		x		x	x

## 6. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp Trung học Phổ thông hoặc tương đương

## 7. Quy trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp

### 7.1. Phương thức đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

### 7.2. Tổ chức lớp học

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của người học ở từng học kỳ.

- Số lượng người học tối thiểu của mỗi lớp tùy theo từng loại học phần được giảng dạy do Hiệu trưởng quyết định.

### 7.3. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập theo Quy chế đào tạo.

## 8. Phương pháp dạy – học và kiểm tra đánh giá

### 8.1. Phương pháp dạy – học

Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy và học như: thuyết trình, thảo luận nhóm/cặp, thực hành, đóng vai, hoạt động nhóm,... góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện trong bảng sau:

STT	Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Thuyết trình – Nêu vấn đề	x		x		x			x		x	x		x				
2	Thảo luận nhóm	x		x	x	x	x		x	x	x			x			x	
3	Thực hành – luyện tập		x			x	x	x	x	x			x	x	x			
4	Nghiên cứu tình huống			x		x	x	x	x	x	x					x	x	x
5	Đóng vai					x		x			x							
6	Trực quan				x	x	x				x		x	x				
7	Trò chơi										x		x	x	x			
8	Sơ đồ tư duy			x					x				x					

### 8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá như: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn,... góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện trong bảng sau:

STT	Phương pháp kiểm tra đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Tự luận	x		x	x	x	x	x	x	x	x				x	x	
2	Bài tập lớn			x	x	x	x	x		x	x	x					
3	Thực hành		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
4	Vấn đáp					x					x	x					
5	Trắc nghiệm	x		x	x	x		x	x						x	x	
6	Bài tập cá nhân	x		x	x		x	x				x					x
7	Viết báo cáo				x		x					x				x	x
8	Thực tập		x				x	x				x				x	x

### 9. Các chương trình đào tạo trong nước và ngoài nước được đối sánh

9.1. Chương trình đào tạo ngành Kế toán, trường Cao đẳng kinh tế Công nghiệp Hà Nội

9.2. Chương trình đào tạo ngành Kế toán, trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng, TP Hồ Chí Minh.

### 10. Mô tả tóm tắt học phần

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
1	Giáo dục chính trị	4	Chương trình môn học khái quát về CN Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc XHCN.
2	Pháp luật	2	Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật nhà nước Việt Nam; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật.
3	Giáo dục thể chất	2	Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.
4	Giáo dục Quốc phòng	4	Chương trình môn học bao gồm một số nội dung

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
	và An ninh		cơ bản về đường lối QP, AN của Đảng, nhà nước Việt Nam; giúp người học có nhận thức đúng đắn và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong bất kỳ giai đoạn nào.
5	Ngoại ngữ	6	Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về Tiếng Anh; giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể sử dụng được ngoại ngữ cơ bản đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề; đồng thời có khả năng giao tiếp Tiếng Anh ở mức độ nhất định.
6	Tin học	3	Chương trình môn học bao gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin; giúp sinh viên có thể sử dụng máy tính, các phần mềm cho chuyên ngành kế toán một cách thông thạo và sử dụng CNTT trong học tập, hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp và trong đời sống.
7	Marketing căn bản	2	Chương trình môn học giúp người học nắm vững các khái niệm cơ bản về Marketing, các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến marketing. Hiểu được quá trình đi đến một quyết định mua hàng của người tiêu dùng, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thương hiệu, các công cụ marketing mix..
8	Nguyên lý kế toán	3	Chương trình môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát nhất của kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác, tìm hiểu về các Báo cáo Tài chính được sử dụng trong một doanh nghiệp, các hình thức ghi sổ kế toán.
9	Quản trị học	2	Chương trình môn học trang bị cho người học các khái niệm cơ bản về quản trị như: tổ chức, quản trị, chức năng, kỹ năng, vai trò của nhà quản trị, môi trường quản trị, ra quyết định quản trị. Đồng thời, học phần cũng đi sâu vào nội dung các chức



STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
			năng quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
10	Kinh tế vi mô	3	Môn học này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô với các khái niệm như cầu, cung, giá thị trường, độ co giãn,..., các nguyên tắc lựa chọn hợp lý của người tiêu dùng và người sản xuất, qua đó sinh viên ứng dụng các kiến thức từ môn học phục vụ cho đời sống và công việc sau này.
11	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	Sinh viên nắm và trình bày được các kiến thức cơ bản về văn bản, các quy tắc, thủ tục và quy trình soạn thảo văn bản, nhất là kỹ năng soạn thảo văn bản, ứng dụng kiến thức vào thực hành soạn thảo một số văn bản thông dụng.
12	Nguyên lý thống kê	2	Môn học này nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về thống kê như khái niệm dùng trong thống kê, phương pháp điều tra thống kê và thu thập dữ liệu; các đặc trưng đo lường, phương pháp tổng hợp và phân tích thống kê nhằm làm rõ bản chất và quy luật của các hiện tượng kinh tế.
13	Pháp luật kinh tế	2	Chương trình môn học cung cấp cho người học những kiến thức từ cơ bản đến nâng cao và những kỹ năng chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý trong kinh doanh, khả năng nghiên cứu và xử lý những vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giữa các doanh nghiệp với nhau và sự quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp.
14	Kinh tế vĩ mô	2	Môn học cung cấp một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô như đo lường tổng sản lượng; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn; các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát, tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp; các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở như cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái, chính sách tài khóa và chính

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
			sách tiên tệ.
15	Chứng từ sổ sách kế toán và khai báo thuế	3	Môn học cung cấp cho người học được thực hành xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ khâu lập chứng từ, ghi sổ, khóa sổ, sửa sổ... cho đến lập báo cáo tài chính và khai báo thuế. Qua đó giúp người học hình thành tư duy xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thực tiễn.
16	Kế toán doanh nghiệp 1	3	Môn học giúp sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản để thực hiện công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp từ hạch toán các nghiệp vụ kinh tế giản đơn đến nâng cao, lập được các Báo cáo Tài chính đơn giản như Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
17	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh: phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; các nội dung chủ yếu của phân tích và đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ và lợi nhuận, báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
18	Kế toán doanh nghiệp 2	4	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức kế toán tài chính trong nhiều loại hình doanh nghiệp. Sinh viên hiểu và nắm vững quy trình cách thức hạch toán các phần hành kế toán vào thực tiễn doanh nghiệp. Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào các môn học tiếp theo và các công việc thực tiễn
19	Kế toán excel	3	Chương trình môn học trang bị cho người học những nội dung cơ bản của môn Tin học ứng dụng bao gồm việc giới thiệu tổng quan về hệ thống sổ sách, báo cáo kế toán trong doanh nghiệp; Tổ chức được cơ sở dữ liệu kế toán trên Excel; Lập sổ kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo thuế theo hình thức Nhật Ký Chung trên Excel.

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
20	Kế toán quản trị	3	<p>Chương trình môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nhằm hỗ trợ cho công tác quản trị chi phí tại doanh nghiệp, chi phí phát sinh ra sao, biến động và ảnh hưởng của nó đến việc ra quyết định của nhà quản trị.</p> <p>Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức của kế toán quản trị chi phí để lập các bảng dự toán hoạt động như: dự toán sản xuất, dự toán tiêu thụ sản phẩm..., lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và đưa ra các chiến lược giá bán cho doanh nghiệp.</p>
21	Kiểm toán	3	<p>Chương trình môn học trang bị cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về kiểm toán và kiểm toán độc lập, cũng như vai trò của kiểm toán báo cáo tài chính trong nền kinh tế.</p>
22	Tài chính doanh nghiệp	3	<p>Chương trình môn học trang bị cho người học những nội dung cơ bản của môn học tài chính doanh nghiệp như: bản chất, chức năng, vai trò, vị trí của tài chính doanh nghiệp, các quyết định và nguyên tắc tổ chức tài chính trong doanh nghiệp. Hiểu được giá trị của tiền tệ; các nguồn tài trợ của doanh nghiệp; công tác ra quyết định đầu tư của doanh nghiệp; phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp.</p>
23	Thuế	3	<p>Chương trình môn học trang bị cho người học những nội dung cơ bản của môn học về Thuế bao gồm: Khái niệm về Thuế; Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân,...Đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế và phương pháp tính thuế,...kê khai nộp thuế, các trường hợp miễn thuế và hoàn thuế... Môn học giúp người học vận dụng vào công tác thực tiễn chuyên môn của doanh nghiệp.</p>
24	Kế toán HCSN	3	<p>Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức kế toán trong các đơn vị sự nghiệp. Sinh viên hiểu</p>

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
			và nắm vững quy trình cách thức hạch toán các phần hành kế toán vào thực tiễn đơn vị sự nghiệp. Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào các môn học tiếp theo và các công việc thực tiễn.
25	Thực tập tốt nghiệp	10	
26	Kế toán máy	3	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức kế toán doanh nghiệp được xử lý bằng tin học thông qua phần mềm kế toán.
27	Kế toán chi phí	2	Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về chi phí, qui trình thu thập, xử lý, tính giá thành sản phẩm và lập báo cáo chi phí tại doanh nghiệp. Qua đó giúp sinh viên sau khi học xong có thể thiết kế hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành thích hợp cho 1 doanh nghiệp cụ thể theo hướng vừa cung cấp thông tin phục vụ quản trị chi phí sản xuất trong nội bộ doanh nghiệp, vừa đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính ở các chỉ tiêu liên quan
28	Thanh toán quốc tế	2	Môn học Thanh toán quốc tế cung cấp cho người học những kiến thức về TTQT như: + Tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ trên thị trường hối đoái như: nghiệp vụ mua bán ngoại tệ giao ngay (Spot), nghiệp vụ mua bán ngoại tệ có kỳ hạn (Forward), nghiệp vụ Quyền chọn (Option), nghiệp vụ hoán đổi tiền tệ (Swap)... + Chứng từ và các phương thức TTQT; Các chứng từ được áp dụng trong hợp đồng ngoại thương ...
29	Thống kê kinh doanh	3	Chương trình môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thống kê kinh doanh: khái niệm, phương pháp phân tích thống kê kinh doanh; các chỉ tiêu được sử dụng thống kê kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; thống kê lao động, năng suất lao động, thu nhập và tiền lương của người lao động trong DN; thống kê tài sản cố định; thống kê nguyên vật liệu và giá thành sản

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
			phẩm của doanh nghiệp.
30	Tiếng Việt thực hành	2	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Việt. Trong đó, tập trung vào thực hành tạo lập và tiếp nhận văn bản tiếng Việt để người học có thể sử dụng tiếng Việt hiệu quả nhất trong học tập, trong cuộc sống và trong công việc.
31	Phương pháp NCKH và trình bày báo cáo khoa học	2	Chương trình môn học trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nhiệm vụ NCKH; biết xác định được mục tiêu, đối tượng và các PPNCKH; biết phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp khả thi cho vấn đề nghiên cứu; biết xây dựng và hoàn thiện các báo cáo khoa học; báo cáo khóa luận; tiểu luận,..và có khả năng NCKH cao hơn.
32	Kế toán quốc tế	2	Môn học trang bị cho người học kiến thức tổng quát về kế toán từ việc xử các nghiệp vụ cơ bản cho đến kỹ thuật thiết lập báo cáo tài chính. Ngoài ra, môn học cũng giúp tăng cường vốn từ tiếng Anh chuyên ngành kế toán.
33	Thị trường chứng khoán	2	Môn học cung cấp cho người học thị trường tài chính nói chung, phân tích một số nội dung cơ bản về công ty Cổ phần. Đi sâu phân tích các loại hàng hóa trên thị trường chứng khoán: cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh. Cung cấp một số kiến thức và kỹ năng về nguyên tắc cơ bản của Sở giao dịch chứng khoán: nguyên tắc hoạt động, quy trình phát hành chứng khoán, cơ chế giao dịch, các nghiệp vụ của công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, nguyên tắc công bố thông tin và thanh tra của thị trường chứng khoán.
34	Khoa học giao tiếp	2	Chương trình môn học giúp sinh viên có những kiến thức, kỹ năng cơ bản về giao tiếp; giúp người học biết cách trao đổi thông tin, truyền đạt các nội dung một cách rõ ràng hiệu quả trong công việc cũng như các mối quan hệ xã hội, gia đình. Nâng cao sự hiểu biết và cách xác định các yếu tố cần thiết hướng đến trạng thái tích cực, mang lại hiệu quả trong các mối quan hệ công

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
			việc và thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách tốt nhất.
35	Văn hóa công sở	3	Văn hóa công sở trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về văn hóa tại các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường công sở. Hiểu được quá trình đi đến xây dựng môi trường làm việc khoa học, phù hợp với văn hóa Việt Nam
36	Quản trị doanh nghiệp	3	Chương trình môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp như: Tổng quan về doanh nghiệp, kế hoạch điều hành sản xuất, quản trị nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, nguồn vốn, giá thành sản phẩm, chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Người học có thể phân tích mức độ ảnh hưởng các nhân tố đến hoạt động của doanh nghiệp, dự báo nhu cầu sản xuất, lập kế hoạch sản xuất, sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp,...
34	Khóa luận tốt nghiệp	5	

## 11. Hướng dẫn sử dụng chương trình

### 11.1. Các môn học chung bắt buộc

Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành bao gồm:

Môn Giáo dục chính trị thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Môn Pháp luật thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Môn Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Môn Tiếng Anh thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Môn Tin học thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Trong trường hợp các Thông tư trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì chương trình của các môn học chung này được thực hiện theo các văn bản mới.

### 11.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Ngoài giờ học, sinh viên có thể tham gia các hoạt động ngoại khóa bao gồm: Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, cắm trại, hoạt động tình nguyện, hoạt động giao lưu với các đơn vị bạn ... do Nhà trường, Đoàn trường và Hội Sinh viên tổ chức.

### 11.3. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học

- Sinh viên hoàn thành chương trình môn học và có đầy đủ các điều kiện theo quy định thì được dự thi kết thúc môn học;

- Thời gian, hình thức, nội dung và số lần thi kết thúc môn học được hướng dẫn cụ thể theo Quy chế đào tạo của nhà trường.

### 11.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Căn cứ kết quả tích lũy tín chỉ của sinh viên, Hiệu trưởng quyết định cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp;

- Hiệu trưởng nhà trường sẽ căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ, kết quả khóa luận tốt nghiệp của sinh viên và các quy định liên quan khác để công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên theo quy định.

### 11.5. Các chú ý khác

Các vấn đề khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Quy chế đào tạo của nhà trường.



TS. PHAN THẾ HẢI

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO  
VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

*Trần Tuấn Anh*

TRƯỞNG KHOA

*lhen*  
TS. Hồ Viết Chiến

## KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		Học phần học trước
			Bắt buộc	Tự chọn	
		<b>Học kỳ I</b>	<b>14</b>		
1	CT32032	Giáo dục chính trị	4		
2	NV31002	Giáo dục thể chất 1	1		
3	AV31009	Tiếng Anh 1	2		
4	TI31002	Tin học	3		
5	KT32121	Nguyên lý thống kê	2		
6	KT32011	Quản trị học	2		
		<b>Học kỳ II</b>	<b>13</b>	<b>2</b>	
1	CT31033	Pháp luật	2		
2	NV31003	Giáo dục thể chất 2	1		Giáo dục thể chất 1
3	AV31010	Tiếng Anh 2	2		Tiếng Anh 1
4	KT32008	Nguyên lý kế toán	3		
5	KT32002	Kinh tế vi mô	3		
6	KT32007	Marketing căn bản	2		
7	VH31001	Tiếng Việt thực hành		2	Tự chọn học kỳ 2 – 2TC
8	KT32095	Phương pháp NCKH và trình bày báo cáo khoa học		2	Tự chọn học kỳ 2 – 2TC
		<b>Học kỳ III</b>	<b>17</b>		
1	AV31011	Tiếng Anh 3	2		Tiếng Anh 2
2	KT32020	Kế toán doanh nghiệp 1	3		Nguyên lý kế toán
3	CT31013	Pháp luật kinh tế	2		
4	KT32005	Kinh tế vĩ mô	2		Kinh tế vi mô
5	KT32031	Tài chính doanh nghiệp	3		
6	KT32124	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2		
7	KT32036	Thuế	3		



		<b>Học kỳ IV</b>	<b>21</b>		
1	DT31008	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4		
2	KT32127	Kế toán doanh nghiệp 2	4		Kế toán doanh nghiệp 1
3	KT32096	Kế toán quản trị	3		Kế toán doanh nghiệp 1
4	KT32140	Kế toán chi phí	2		
5	KT32045	Kế toán HCSN	3		
6	KT32069	Kiểm toán	3		Tài chính doanh nghiệp; Kế toán doanh nghiệp 1
7	KT32052	Phân tích hoạt động kinh doanh	2		Tài chính doanh nghiệp
		<b>Học kỳ V</b>	<b>14</b>	<b>5</b>	
1	KT32123	Kế toán excel	3		
2	KT32139	Kế toán máy	3		
3	KT32098	Chứng từ sổ sách kế toán và khai báo thuế	3		
4	KT32129	Thanh toán quốc tế	2		
5	KT32130	Thống kê kinh doanh	3		
6	KT32068	Khóa luận tốt nghiệp		5	Tự chọn Khóa luận TN-5TC
7	KT32028	Quản trị doanh nghiệp		3	Tự chọn Khóa luận TN-5TC
8	KT32079	Thị trường chứng khoán		2	Tự chọn Khóa luận TN-5TC
9	TL32029	Khoa học giao tiếp		2	Tự chọn Khóa luận TN-5TC
10	KT32133	Văn hóa công sở		3	Tự chọn Khóa luận TN-5TC
11	KT32032	Kế toán quốc tế		2	Tự chọn Khóa luận TN-5TC
		<b>Học kỳ VI</b>	<b>10</b>		
1	DT32022	Thực tập tốt nghiệp	10		
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa (chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh)</b>			<b>90</b>		

**Phụ lục 1**  
**SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ – CĐSP ngày tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng)

Tên ngành, nghề: Kế toán. Mã ngành, nghề: 6340301.



